

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN YÊN THẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Liên

2. Ông Dương Ngô Phiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2024 về việc "tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Chị T có mặt. Anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không chịu làm ăn mà thường xuyên rượu chè rồi chửi bới đánh đập vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị và anh K có 03 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 25/10/2008; Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 10/12/2013 và

Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2018. Hiện các con chung vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu T1 đi học và ở trọ trên thị trấn P, hai cháu nhỏ đang ở cùng chị tại Bản Đ, xã C. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị không được nuôi cả 3 con chung thì chị yêu cầu giao con theo nguyện vọng của các con. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập từ 6 – 7.000.000đồng/tháng, nếu tháng nào tăng ca thì thu nhập từ 9-10.000.000đồng/tháng. Trường hợp ly hôn thì chị về ở cùng bố mẹ đẻ ở bản bên cạnh nhưng gần nhà chị hiện tại.

- Về tài sản, công nợ, ruộng nương: chị không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 – 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ở nhà làm việc tự do và trông con, còn chị T đi làm công nhân thì chị T cho rằng anh không chịu làm ăn, chơi bời nên vợ chồng cãi nhau. Anh thừa nhận anh sai vì hay mắng vợ con, anh đã xin lỗi để vợ chồng hòa thuận nhưng chị T không chấp nhận thì anh không còn cách nào thuyết phục được chị T. Chị T yêu cầu ly hôn thì anh không muốn ly hôn, nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh phải chấp nhận.

- Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung như chị T trình bày. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cả 03 con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được chấp nhận nuôi cả 3 con thì anh yêu cầu được nuôi cháu H, anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại hàng ngày anh chỉ đưa đón con đi học, ngoài ra anh không làm gì nên không có thu nhập.

- Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa:*

- Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh K. Về con chung, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1 và cháu D, chị đồng ý để cháu H ở với anh K. Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản, công nợ, ruộng canh tác.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn anh K. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu D. Giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ, ruộng canh tác. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tố tụng: Chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con với anh K cư trú tại huyện Y. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp ly hôn, con chung” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K:

Chị T và anh K kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh K không chịu làm ăn, ham chơi và hay uống rượu rồi chửi bới đánh đập vợ con. Anh K thừa nhận anh hay mắng vợ con và không có việc làm nhưng nguyên nhân anh không làm ăn gì là vì anh phải ở nhà trông con, đưa đón con đi học. Anh K đã nhận thức được việc anh hay mắng vợ con là sai trái và đã xin lỗi chị T nhưng chị T không chấp nhận. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị kiên quyết yêu cầu ly hôn anh K. Anh K không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại gia đình và địa phương nơi anh chị cư trú cũng xác định được anh chị mâu thuẫn do anh K hay uống rượu xong chửi bới, thậm chí đánh đập vợ con. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn anh K.

[3] Về việc nuôi con chung: chị T và anh K có 03 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 25/10/2008; Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 10/12/2013 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2018. Hiện tại các cháu đang sinh sống cùng anh chị. Khi ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu. Nếu không được nuôi cả 03 cháu thì anh K yêu cầu được nuôi cháu H, chị T cũng nhất trí để cháu H ở với anh K.

Xem xét về điều kiện nuôi con, hiện tại chị T và anh K đang sinh sống cùng nhà. Sau khi ly hôn thì chị T về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở gần nhà của anh chị hiện tại. Chị T đang làm công nhân thu nhập từ 6.000.000đồng – 7.000.000đồng/tháng, nếu tháng nào tăng ca thì thu

nhập từ 9.000.000đồng – 10.000.000đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con. Cháu T1 và cháu D đều có nguyện vọng ở với chị T nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu D là phù hợp khả năng nuôi dưỡng của chị, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Cháu H còn nhỏ chưa thể hiện được nguyện vọng, anh K có nguyện vọng được nuôi cháu H. Hiện tại anh K đang sử dụng ngôi nhà của vợ chồng nên có điều kiện chỗ ăn chỗ ở, anh K cũng làm ruộng có thu nhập để nuôi cháu H nên giao cháu cho anh K nuôi dưỡng để san sẻ trách nhiệm của hai anh chị, để anh chị có điều kiện về thời gian, kinh tế tốt nhất nuôi con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh K và chị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: chị T và anh K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh K có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Ngọc K.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 25/10/2008 và Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 10/12/2013.

- Giao cho anh Nguyễn Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2018.

- Sau khi ly hôn, chị T và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T, anh K thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu 0005048 ngày 13/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Canh Nậu,
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng